

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA
Bản án: 55/2023/HSST
Ngày 28 /9/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THANH HÓA
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nghi

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phan Văn Lâm

Ông Vũ Đức Lâm

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa** - Bà Trương Mỹ Dung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thanh Hóa.

- **Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện H thanh gia phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Hưng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2023/HSST ngày 21 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Tổng Văn N 1- sinh năm 1994, tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: Thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tổng Văn Phúc; con bà: Đỗ Thị Mỡ; chưa có vợ và con.

Tiền án: Ngày 24/9/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Th (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành việc bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/8/2023, bị Chủ tịch UBND huyện H, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/5/2023, tạm giam từ ngày 02/6/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. Bị cáo: Tổng Văn N - sinh năm 1980, tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: Thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tổng Tr Kiên, (đã chết); con bà: Nguyễn Thị V, (đã chết); có vợ là Lê Thị P, sinh năm 1981 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001,

con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/6/2023, có mặt.

3. Bị cáo: Nguyễn Văn Tr - sinh năm 1990, tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: Thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H; con bà: Tống Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 2004 và 01 con, sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/5/2023, đến ngày 02/6/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1952, (vắng)
2. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 2004, (có mặt)
3. Ông Tống Văn Ph, sinh năm 1972 (có mặt)
4. Ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1965, (vắng mặt)
- 5 Ông Phạm Văn T, sinh năm 1961, (vắng mặt)

Trú tại: Điều ở Thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4/2023, giữa Tống Văn N 1 (sinh năm: 1994) và Nguyễn Văn Tr có xảy ra mâu thuẫn với nhau về việc vay nợ tiền. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/5/2023, Tr một mình điều khiển xe mô tô đến nhà Nam (sinh năm: 1994) để nói chuyện (do trước đó Nam có hẹn gặp Tr ở phía trước nhà văn hóa Thôn Ph, xã Đ, huyện H). Khi đến phía trước cổng nhà Nam (sinh năm: 1994), Tr gọi: “N 1 ơi ra đây anh bảo”, N 1 đi ra cổng và nói với Tr: “ Lên nhà văn hóa thôn nói chuyện ”, sợ đánh nhau nên Tr không lên nhà văn hóa như đã hẹn mà đi xe mô tô ra đồng đưa nước uống cho mẹ Tr đang gặt lúa.

Lúc này, Tống Văn N.1 (sinh năm: 1994) đi vào trong tủ quần áo lấy chiếc túi da màu đen bên trong có súng điện, đạn điện, bình xịt hơi cay, khóa số tám đeo vào người và một hộp giấy bên trong có một gậy nhựa màu đen. Sau đó, Nam (sinh năm: 1994) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36F1 - 112.70 đi tìm Tr. Trên đường đi, N 1 lấy súng điện trong hộp giấy ra lắp đạn điện vào súng và bỏ súng vào túi quần bên phải, tay trái cầm gậy nhựa, tay phải điều khiển xe mô tô đi đến trước nhà văn hóa thôn nhưng không nhìn thấy Tr, nên đã điều khiển xe mô tô đến nhà Tr để tìm Tr.

Khi đến trước cổng nhà Tr, N 1 (sinh năm: 1994) dừng xe mô tô ở đầu cổng, cầm theo gậy nhựa đi thẳng vào trong nhà thì gặp chị Nguyễn Thị Th (sinh năm: 2004, trú tại Thôn Ph, xã Đ, huyện H, là vợ Tr), Nam hỏi: “ thằng Tr có nhà không”, chị Th trả lời lại: “không”. Sau đó, N.1 điều khiển xe mô tô quay lại nhà

văn hóa thôn và gọi điện thoại cho Tr. Khi về đến nhà, Tr được chị Thủy nói lại: “có một anh nào đẩy cầm kiếm và súng tìm anh”; cùng lúc này, Tr nhận được điện thoại của N.1 hỏi: “mày đang ở đâu”, Tr trả lời: “đang ở nhà” thì N.1 tắt điện thoại. Biết là N.1 sẽ mang theo súng đến nhà mình, Tr đi vào trong kho lấy một đoạn tuýp sắt dài khoảng 02mét ra đứng ở sân với mục đích đánh nhau với Nam. Lúc này, N.1 điều khiển xe mô tô đến dừng ở phía trước cổng nhà Tr, tay trái cầm gậy nhựa màu đen, tay phải rút trong túi quần ra một khẩu súng điện đi vào khu vực sân nhà Tr. Tr cầm tuýp sắt đi ra cổng, vừa đi vừa đẩy đầu tuýp sắt xuống nền gạch lát cổng, N.1 lùi lại phía sau ra ngoài đường, Tr cầm tuýp sắt xông vào vụt một cái về phía N.1 nhưng không trúng, Tr tiếp tục dùng tuýp sắt vụt liên tiếp hai lần nhưng Nam lùi lại làm tuýp sắt đập xuống đường gãy làm đôi. Sau đó N.1 bắn một phát súng điện về phía Tr nhưng không trúng. Tr nhặt đoạn tuýp sắt bị gãy lên và đuổi đánh thì N.1 bỏ chạy trên đường thôn hướng ra đường liên thôn (phía Tây).

Lúc này, N (sinh năm: 1980) đang phơi lúa tại đường bê tông phía trước nhà Tr nhìn thấy đã chạy tắt qua khoảng đất trống và cầm chiếc cào lúa dài khoảng 02mét (đầu cào có 8 chiếc răng bằng kim loại màu đen) chạy lên chỗ Tr và Nam (sinh năm: 1994) đang đánh nhau. N (sinh năm: 1980) cầm cào chạy lên đến nơi thì Tr đã đuổi Nam (sinh năm: 1994) chạy cách cổng nhà Tr khoảng 10 m về phía đường liên thôn (hướng Tây), Nam (sinh năm: 1980) đẩy Tr về phía sau. N (sinh năm: 1994) lấy trong túi da đeo trên người ra một viên đạn điện lắp vào súng và tiếp tục bắn một phát về phía Tr nhưng không trúng, dây dẫn điện bắn ra đã chạm vào cẳng tay phải của Nam (sinh năm: 1980). Bị N (sinh năm: 1980) và Tr vừa chửi bới, vừa dùng cào đuổi đánh và liên tục ném cào về phía mình nên N.1 (sinh năm: 1994) bỏ chạy trên đường thôn và đường liên thôn (phía Tây). Sau đó, Tr vụt tuýp sắt về phía trước nên làm chiếc gậy nhựa trên tay N.1 (sinh năm: 1994) rơi xuống đất và trúng vào mắt cá chân phải N.1 (sinh năm: 1994) gây thương tích nhẹ. Bị đánh, N. bỏ chạy vào đường liên xã (đường đi xã C) thuộc Thôn Ph, xã Đ, huyện H và lấy viên đạn điện lắp vào súng bắn thì phát ra các tiếng nổ và trúng vào đùi bên trái làm Tr bị điện giật nhẹ. N (sinh năm: 1980) cầm chiếc cào chạy lên ném về phía N.1 (sinh năm: 1994) và tiếp tục nhặt cục bê tông ném về phía N.1 (sinh năm: 1994) nhưng không trúng. Nam (sinh năm: 1994) bỏ chạy, còn Tr và N (sinh năm: 1980) ném hung khí trên đường đi và đi bộ về phía N.1 (sinh năm: 1994). Khi chạy đến trước nhà ông Phạm Văn Táo (sinh năm: 1961, trú tại Thôn Ph, xã Đ, huyện H), Nam (sinh năm: 1994) dừng lại giơ súng về phía Tr và N (sinh năm: 1980) bấm điện làm phát ra các tiếng nổ “đẹt, đẹt” làm tóe lửa tại đầu súng. Lúc này, ông Tống Văn Ph (sinh năm: 1972, trú tại Thôn Ph, xã Đ, huyện H, là bố của N.1, sinh năm: 1994) đến can ngăn và tổ công tác của Công an xã Đ, huyện H cũng có mặt đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các vật chứng của N. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã Đ đã chuyển toàn bộ hồ sơ, vật chứng và các bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 2446/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 01 (một) khẩu súng ngắn có số ký hiệu: “COATL”; 01 (một) bình có ký hiệu “NATO CS-GAS” và 01 (một) vật có số ký hiệu “BỘ CÔNG AN KC” trong vụ trên gửi đến giám định thuộc loại công cụ hỗ trợ - không phải vũ khí quân dụng, hiện tại còn sử dụng được.

- 01 (một) vật dạng hình hộp chữ nhật, không có số ký hiệu, kích thước (5 x 4,1 x 2,9) cm và 03 (ba) vật dạng hình hộp chữ nhật không có số ký hiệu, mỗi vật có kích thước (5 x 4,1 x 2,9) cm trong vụ trên gửi giám định là đạn và vỏ đạn của loại đạn sử dụng cho súng bắn điện. Loại đạn này thuộc danh mục công cụ hỗ trợ - không phải vũ khí quân dụng.

Vật chứng vụ án được thu giữ: Gồm 01 (một) khẩu súng ngắn có số ký hiệu: “COATL”; 01 (một) bình có ký hiệu “NATO CS-GAS”; 01 (một) vật có số ký hiệu “BỘ CÔNG AN KC”; 01 (một) vật dạng hình hộp chữ nhật, không có số ký hiệu, kích thước (5 x 4,1 x 2,9) cm; 03 (ba) vật dạng hình hộp chữ nhật không có số ký hiệu, mỗi vật có kích thước (5 x 4,1 x 2,9) cm và 01 (một) túi da màu đen có chữ JEEP là vật chứng của vụ án.

Đối với 01 (một) vỏ đạn điện; 01 (một) gậy nhựa màu đen, đầu gậy có đèn chiếu sáng; 01 (một) đoạn tít loại ống nước bằng kim loại màu xám đen (phi 21 dài khoảng 02 m); 01 (một) chiếc cào lúa dài khoảng 02m, có 08 răng bằng kim loại màu đen là vật chứng của vụ án. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã truy tìm nhưng không thu giữ được vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKS HL ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, truy tố các bị cáo Tổng Văn N.1, sinh năm 1994, Nguyễn Văn Tr và Tổng Văn N, sinh năm 1980 về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo,

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo: Tổng Văn N.1, sinh năm 1994, Nguyễn Văn Tr và Tổng Văn N, sinh năm 1980 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Hình phạt chính:

Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tổng Văn N.1, sinh năm 1994, mức án từ 36 tháng đến 39 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 24/5/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tr, mức án từ 27 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng.

Xử phạt: Bị cáo Tổng Văn N, sinh năm 1980, mức án từ 24 tháng đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 52 tháng.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Tống Văn N cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 của BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khẩu súng ngắn có số ký hiệu: “COATL”; 01 (một) bình có ký hiệu “NATO CS-GAS”; 01 (một) vật có số ký hiệu “BỘ CÔNG AN KC”; 01 (một) vật dạng hình hộp chữ nhật, không có số ký hiệu, kích thước (5 x 4,1 x 2,9) cm và 03 (ba) vật dạng hình hộp chữ nhật không có số ký hiệu, mỗi vật có kích thước (5 x 4,1 x 2,9) cm và 01 (một) túi da màu đen có chữ JEEP là vật chứng của vụ án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ NQUBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự theo quy định của pháp luật;

Bị cáo Tống Văn N.1, sinh năm 1994, không có ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt, bị cáo không nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Các bị cáo khác không có ý kiến, quan điểm tranh luận về tội danh và về mức hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát, các bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình và mong được sửa chữa khắc phục trong cuộc sống và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt để có cơ hội cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về chứng cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo Tống Văn N.1, sinh năm 1994 khai nhận, trước đó đã tìm kiếm mua trên mạng xã hội các công cụ hỗ trợ như, súng bắn đạn điện phát ra tiếng nổ có kèm theo 01 hộp đạn 05 viên, 01 gậy nhựa gắn đèn chiếu sáng, 01 bình xịt hơi cay và 01 còng số 8, tất cả công cụ được đựng trong bao da để nhằm mục đích thị uy, tấn công người khác. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/5/2023, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô mang theo các công cụ hỗ trợ đến nhà Nguyễn Văn Tr để gây sự, khi vào đến sân nhà Tr, thấy Tr cầm gậy sắt, sau đó hai bên to tiếng với nhau và sử dụng hung khí tấn công nhau từ ngõ nhà Tr dẫn ra đến các trục đường giao thông. Thấy hai bên đang tấn công nhau thì Tống Văn N, sinh năm 1980 cầm cào lùa, miếng bê tông cùng với Tr chống trả, tấn công về phía Nam dọc theo tuyến đường giao thông, hiện trường xảy ra vụ án kéo dài khoảng 700m. Trong lúc các bị cáo đang diễn ra hỗn chiến thì bị lực lượng Công an xã Đồng Lộc ngăn chặn bắt giữ. Bị cáo Tr và bị cáo Nam, sinh năm 1980 thừa nhận diễn biến, hành vi như cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản thực nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập theo trình tự luật định. Trên cơ sở xem xét, đánh giá, phân tích lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách toàn diện, khách quan, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

[2]. Bị cáo Tổng Văn N.1 (sinh năm 1994) sử dụng công cụ hỗ trợ, Nguyễn Văn Tr và Tổng Văn N (sinh năm: 1980) đã sử dụng hung khí nguy hiểm rượt đuổi, đánh nhau trên đường giao thông nội thôn, đường giao thông liên thôn và đường giao thông liên xã, thuộc Thôn Ph, xã Đồng Lộc, là khu vực dân cư sinh sống đang diễn ra các hoạt động sản xuất, kinh doanh dọc trên các tuyến đường, gây náo loạn, gây ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của chính quyền địa phương, ảnh hưởng xấu đến an ninh, xâm phạm đến Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo của các Cấp ủy Đảng, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết về bảo đảm an ninh trật tự của chính quyền địa phương. Như vậy, đủ căn cứ để khẳng định, hành vi của Tổng Văn N.1 (sinh năm: 1994), Nguyễn Văn Tr và Tổng Văn N (sinh năm 1980) đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 318 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Xét tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng và an toàn công cộng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến đường lối, chủ trương lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng TNHS: Ngày 24/9/2015, Tổng Văn N.1 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương, xử phạt 01 năm tù về tội « Trộm cắp tài sản » và phải bồi thường tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại. Tuy nhiên sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo vẫn chưa chấp hành việc bồi thường thiệt hại cho bị hại theo bản án. Tại phiên tòa bị cáo khai có biết việc phải thi hành án về bồi thường cho người bị hại nhưng bị cáo không có tiền để bồi thường, trong khi bị cáo khai có tiền cho bị cáo Tr vay và có tiền mua công cụ hỗ trợ trên mạng xã hội. Như vậy lần phạm tội này bị cáo bị đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS là có căn cứ.

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Tổng Văn N và bị cáo Nguyễn Văn Tr đều nhận thức được hành vi phạm tội nên thành khẩn khai báo nên cần áp dụng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo Tổng Văn N, sinh năm 1980 có thái độ khai báo không nghiêm túc, bất cần, nên chưa thể hiện tỏ rõ thái độ ăn năn. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn Tr và Tổng Văn N.1 sinh năm 1994 có ông nội, bố đẻ là người có công với nhà nước, bố đẻ bị cáo Tr được ghi nhận thành tích xuất sắc trong công tác, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để cân nhắc, đánh giá, xét giảm nhẹ phần hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo:

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong vụ án này bị cáo Tổng Văn N nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ công cụ hỗ trợ là bị cấm nhưng vẫn bất chấp coi thường pháp luật, chủ động sử dụng công cụ hỗ trợ tấn công người khác

trong quá trình diễn ra hành vi phạm tội nên bị cáo có vai trò chính và phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc; bị cáo Nguyễn Văn Tr là người sử dụng hung khí rượt đuổi, hòa hét đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, tuy nhiên nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do xuất phát từ bị cáo N.1, sinh năm 1994 nên bị cáo Tr có vai trò sau N.1; bị cáo Tống Văn N (sinh năm 1980) tham gia là do bột phát, a rua sử dụng hung khí tham gây rối trật tự công cộng nên có vai trò thứ yếu. Do đó cần đánh giá áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[6]. Về nhân thân: Bị cáo Tống Văn N.1, bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nhưng chưa tự nguyện khắc phục bồi thường, Quá trình gây rối sử dụng công cụ hỗ trợ nên bị xử phạt vi phạm hành chính nên được coi là người có nhân thân xấu.

[7]. Căn cứ tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo Điều 38 BLHS 2015 đối với bị cáo Tống Văn N, sinh năm 1980. Các bị cáo Tống Văn N, sinh năm 1980 và Nguyễn Văn Tr đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Nên không cần thiết phải cách ly đối với các bị cáo khỏi xã hội, mà chỉ cần cho hưởng án treo theo khoản 1, 2 Điều 65 của BLHS 2015 cũng đảm bảo trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[8]. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật, các quyết định tố tụng được ban hành và giao cho bị cáo, không có khiếu nại trong hoạt động tố tụng, đảm bảo cho những người tham gia tố tụng được thực hiện quyền và nghĩa vụ khi khai báo. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật Hình sự, tố tụng hình sự là đầy đủ, có căn cứ.

[9]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy tòa bộ vật chứng có đặc điểm mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH-14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với Tống Văn N.1, sinh năm 1994.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với Tổng Văn N, sinh năm 1980 và Nguyễn Văn Tr.

Tuyên bố: Các bị cáo Tổng Văn N, 1994, Nguyễn Văn Tr và Tổng Văn N, sinh năm 1980 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

Xử phạt: Tổng Văn N.1 40 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 24/5/2023.

Xử phạt: Bị cáo Tổng Văn N, sinh năm 1980, 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tr, 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Tổng Văn N sinh năm 1980 và Nguyễn Văn Tr cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gia thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khẩu súng ngắn có số ký hiệu: “COATL”; 01 (một) bình có ký hiệu “NATO CS-GAS”; 01 (một) vật có số ký hiệu “BỘ CÔNG AN KC”; 01 (một) vật dạng hình hộp chữ nhật, không có số ký hiệu, kích thước (5 x 4,1 x 2,9) cm; 03 (ba) vật dạng hình hộp chữ nhật không có số ký hiệu, mỗi vật có kích thước (5 x 4,1 x 2,9) cm và 01 (một) túi da màu đen có chữ JEEP là vật chứng của vụ án, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016 /UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 61 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện H;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện H;
- Thi hành án HS, DS huyện H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bà Phạm Thị Tranh; Ông Phạm Văn Hay

Nguyễn Văn Nghi

là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy nhiên thấy rằng: Việc truy tố các bị cáo về tội gây rối trật tự công cộng với tình tiết định khung theo điểm a khoản 2 Điều 245 BLHS là có xem xét đến yếu tố thiệt hại do lực tác động trực tiếp của các bị cáo gây nên, như vậy là phù hợp, Tuy nhiên cần xem xét toàn diện các yếu tố khách quan khác dẫn tới hành vi phạm tội của các bị cáo để áp dụng hình phạt tù không quá nghiêm khắc, chủ yếu là răn đe, giáo dục. Bởi lẽ, Với Nguyễn Tr Hưng có hành vi dùng tay đâm vỡ kính xe ô tô là công cụ chuyên dụng trấn áp tội phạm, là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước do Công an quản lý. Nguyễn Tr Huy có hành vi xô đổ vàng móng ngựa gây nên dán tiếp thiệt hại vỡ mic rô phục vụ cho công tác xét xử tuyên truyền của giáo dục pháp luật tại phiên tòa, hậu quả của việc gây rối của Huy không mong muốn thiệt hại về tài sản xảy ra.